

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
SAIGON NEWPORT CORPORATION
CÔNG TY TNHH CẢNG CONTAINER
QUỐC TẾ TÂN CẢNG HẢI PHÒNG
TAN CANG HAI PHONG INTERNATIONAL
CONTAINER TERMINAL CO., LTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/ No.: 1288 /TM-HICT

Cát Hải, ngày 29 tháng 08 năm 2025
CatHai, dated 29/08/2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
REQUEST FOR QUOTATIONAL LETTER

Về việc Mời chào giá thiết bị tường lửa Nội bộ để phục vụ sản xuất tại TC-HICT /Regarding the invitation for quotation of Internal firewall equipment for production at TC-HICT

Kính gửi/ Respectfully to: Quý Công ty/ Đơn vị cung cấp/ Company/unit supply

Nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng (TC-HICT) có kế hoạch mua sắm thiết bị tường lửa Nội bộ để phục vụ sản xuất, cụ thể như sau/Aiming to support our business operations, Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd (TC-HICT) plans to purchase Internal Firewall devices to serve production, specifically as follows:

1. Tên hạng mục/Item Name: Mua sắm Thiết bị tường lửa Nội bộ để phục vụ sản xuất/Purchase Internal firewall equipment for production.
2. Chủ đầu tư/ Investor: Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng/Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd.
3. Địa điểm thực hiện/Implementation Location: Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng - Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng/Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd - Cat Hai Special Zone, Hai Phong City.
4. Yêu cầu chi tiết/ Detailed requirements: Phụ lục kèm theo/ Attached appendix
5. Yêu cầu chào giá/ Request for Quotation:
 - Đồng tiền chào giá: Đồng tiền Việt Nam (VND)/Quotation Currency: Vietnamese Dong (VND).
 - Giá chào: Bao gồm giá và phí cho tất cả các loại thuế phí, chi phí cài đặt, cấu hình, chạy thử, chuyển đổi dữ liệu và các chi phí dịch vụ liên quan khác/Quotation Price: Includes price and fees for all taxes, installation, configuration, testing, data conversion, and other related service costs.



- Thời gian cung cấp: Đề nghị tính toán đảm bảo thời gian cung cấp thiết bị, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao không quá 12 tuần/*It is recommended to calculate to ensure that the time for fire wall supply, installation, acceptance and handover is no more than 12 weeks.*
- Thời gian bảo hành: Bảo hành tối thiểu 36 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng/*Warranty period: Minimum 36 months warranty from the date of handover, acceptance and put the work in use.*
- Hiệu lực chào giá: 90 ngày kể từ ngày hết hạn chào giá/*Quotation Validity: 90 days from the quotation deadline.*
- Hạn nhận thư báo giá: Hạn cuối cùng là 14h00 ngày 10 / 9 /2025/ *Deadline for receiving quotation letters: Deadline is 14.00 p.m. 10 / 9 /2025*
- Thư báo giá xin gửi về địa chỉ sau/ *Please send quotation letter to the following address:*
 - + Phòng Kỹ thuật- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng/*Technical Department - Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd.*
 - + Địa chỉ: Khu Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam/*Address: Don Luong Area, Cat Hai Special Zone, Hai Phong City, Vietnam.*
 - + Số điện thoại: 0225.3765499- Máy nhánh: 4111/*Phone number: 0225.3765499- Ext: 4111.*

Trân trọng kính chào./.

Thanks and best regards./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/*As above;*
- Lưu/ Save: VT, KT.Q03.

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Chao, Ta-Chung

PHỤ LỤC YÊU CẦU THIẾT BỊ TƯỜNG LỬA NỘI BỘ
APPENDIX INTERNAL FIREWALL EQUIPMENT REQUIREMENTS

(Kèm theo thư mời chào giá số 1288 /TM-HICT ngày 29/08/2025/
 Attached with request for quotation letter No. 1288/TM-HICT dated 29/08/2025)

Stt/ No.	Hạng mục/ Items	Đơn vị tính/ Unit	Số lượng/ Q'ty
1	Thiết bị tường lửa nội bộ/ Set of Internal firewall Devices	Bộ/Set	2
	- Loại/Type Rack Unit/480GB SSD/02 Nguồn/ power hot-swappable/ - Network: + ≥ 12 Cổng/Port 1Gbps/5Gbps/10Gbps RJ45 + ≥ 10 Cổng/ Port 1/10Gbps SFP/SFP+ + ≥ 4 Cổng/Port 25Gbps SFP28 + ≥ 01 Cổng quản trị + ≥ 01 Cổng/Port high availability (HA) + ≥ 01 Cổng/ Port Console RJ-45 + ≥ 01 Cổng/ Port USB + ≥ 4 Transceiver 10G loại SR - Thông lượng/ Throughput: + IPSec VPN ≥ 6.6 Gbps + Remote Access VPN (SSL, IPSec) với số lượng tunnel ≥ 1.700 + Số phiên kết nối tối đa đồng thời/Maximum Concurrent Sessions: $\geq 1.300.000$ + Số phiên kết nối mới mỗi giây/New Sessions Per Second: ≥ 143.000 - Hiệu năng/Performance + Thông lượng tường lửa thể hệ mới (đã bật Application Control, có bật log, đo với traffic hỗn hợp) ≥ 14 Gbps + Next-generation firewall throughput (Application Control enabled, log enabled, measured with mixed traffic) ≥ 14 Gbps + Thông lượng ngăn chặn tấn công (đã bật Application Control, IPS, chống Virus /Malware, chống Bot, DNS Security/Protection, file blocking/ filtering, APT/Sandbox, có bật log, đo với traffic hỗn hợp) ≥ 7.5 Gbps + Attack prevention throughput (Application Control, IPS, Anti-Virus/Malware, Anti-Bot, DNS Security/Protection,		

	<i>file blocking /filtering, APT/Sandbox, log enabled, measured with mixed traffic) ≥ 7.5 Gbps</i> - Tính năng chính/Key Features: + Mô hình triển khai L2, L3, Tap, Transparent <i>Deployment model L2, L3, Tap, Transparent</i> + QoS: thiết lập chính sách QoS traffic (priority, guaranteed, maximum) <i>QoS: set traffic QoS policy (priority, guaranteed, maximum)</i> + Policy based routing/Policy-based forwarding + OSPF with graceful restart, BGP với graceful restart, IPv4 multicast routing, static routing + Point-to-Point Protocol over Ethernet (PPPoE), DHCP server, DHCP Client + PIM, IGMP;LACP + NAT64 + Có tính năng High availability chạy Active/Active hoặc Active/Passive/Has High availability feature running Active/Active or Active/Passive + Tính năng Nhận diện và kiểm soát ứng dụng, người dùng/ <i>Feature Identify and control applications, users</i> + Tính năng giải mã SSL/ <i>SSL decryption feature</i> - Tính năng nâng cao đi kèm/ Advanced features included + Có tính năng chống thất thoát dữ liệu (data filtering), ngăn chặn người dùng gửi tài liệu hoặc nội dung nhạy cảm ra ngoài theo các thuộc tính file, từ khoá <i>Has anti-data loss feature (data filtering), preventing users from sending sensitive documents or content out based on file attributes and keywords</i> + Có tính năng chặn lọc file theo chiều upload/download theo từng ứng dụng <i>Has the feature to block file upload/download direction for each application</i> + Năng lực phòng chống tấn công hiểm họa nâng cao/ <i>Advanced Threat Defense Capabilities</i> + Năng lực ngăn chặn các đường dẫn web nâng cao/ <i>Advanced web path blocking capabilities</i> + Năng lực APT/Sandbox/ APT/Sandbox Capabilities + Năng lực bảo mật DNS Security/ <i>DNS Security Capability</i> + Năng lực Secure Remote Access/ <i>Secure Remote Access Capabilities</i>	
--	---	--

2436
AG T
HƯNG
CONT
STAN
PH
41-TP



PHỤ LỤC 2: BẢNG CHÀO GIÁ HÀNG HÓA / APPENDIX 2: GOODS QUOTATION

STT No.	Danh mục hàng hóa/ <i>List of goods</i>	Số lượng/ Khối lượng <i>Quantity</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Xuất xứ, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật của sản phẩm/ <i>Origin, marking, specifications of goods</i>	Đơn giá/ <i>Unit price</i>	Thành tiền/ <i>Total</i>	Thuế VAT	Tổng tiền/ <i>Total amount</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)+(8)
1	Thiết bị tường lửa Nội bộ phục vụ sản xuất / <i>Internal firewall equipment for production</i>	Bộ/ Set	02					
2	Dịch vụ triển khai/ <i>Deployment Services</i>	Gói/ <i>Package</i>	01					
	Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) / <i>Total offer price of goods including taxes, fees, charges (if any)</i>							

ĐẠI DIỆN CÔNG TY